

Bản án số: 03/2024/LĐ-ST
Ngày 13-01-2025
V/v “tranh chấp yêu cầu vô hiệu
Hợp đồng lao động và điều chỉnh
tên trên Sổ bảo hiểm xã hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.
2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hào - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Võ Đông Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 161/TB-TLVA ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2024/QĐXXST-LĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Trung C, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (giấy ủy quyền ngày 07/10/2024) (vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH K

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lim Ju H – Tổng Giám đốc.

Cùng địa chỉ trụ sở: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 1/ Chị Huỳnh Thị C1, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ A, ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

2/ Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S – Giám đốc

Địa chỉ: Quốc lộ A, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T do anh Nguyễn Trung C đại diện theo ủy quyền trình bày như sau: Từ tháng 08/2010 đến tháng 03/2022, chị Nguyễn Thị T làm công nhân tại Công ty TNHH K1, địa chỉ tại Lô J đường số I, Cụm C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Khi làm việc tại Công ty TNHH K1 chị Nguyễn Thị T có tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ 8010036346.

Do chị Nguyễn Thị T muốn giúp đỡ chị Huỳnh Thị C1 lúc đó mất giấy tờ tùy thân có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên chị Nguyễn Thị T có cho chị Huỳnh Thị Cẩm M Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T để chị C1 đi làm tại Công ty TNHH K trong khoảng thời gian từ tháng 10/2011 đến tháng 01/2012. Khi chị C1 mượn hồ sơ mang tên chị T (Nguyễn Thị T) làm việc tại Công ty TNHH K thì tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ 8011039773.

Việc chị T cho chị C1 mượn Chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K không phải do bản thân chị T thực hiện. Hiện tại tồn tại hai số sổ bảo hiểm 8010036346 và 8011039773 cùng mang tên Nguyễn Thị T, điều này dẫn đến việc chị Nguyễn Thị T không thể chốt sổ bảo hiểm xã hội đối với số sổ 8010036346. Do đó chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Nguyễn Thị T (do chị Huỳnh Thị C1 làm việc) với Công ty TNHH K từ tháng 10/2011 đến tháng 01/2012.

Điều chỉnh tên Nguyễn Thị T trên sổ BHXH số 8011039773 trong thời gian từ tháng 10/2011 đến tháng 01/2012 tại Công ty TNHH K thành tên Huỳnh Thị C1.

Bị đơn Công ty TNHH K xin xét xử vắng mặt và có ý kiến trình bày như sau: Công ty đồng ý vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Nguyễn Thị T (do chị Huỳnh Thị C1 làm việc) với Công ty TNHH K từ tháng 10/2011 đến tháng 01/2012.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị C1 xin xét xử vắng mặt có văn bản trình bày như sau: Chị thống nhất với lời trình bày và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T, chị không có yêu cầu gì đối với số tiền bảo hiểm đã đóng và có đơn đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xin xét xử vắng mặt và có ý kiến trình bày như sau: Sau khi Bản án có hiệu lực pháp

luật thì Bảo hiểm xã hội tỉnh L sẽ tiến hành các thủ tục để điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội phù hợp với phần quyết định của Bản án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019. Công ty TNHH K có trụ sở tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện Công ty TNHH K, chị Huỳnh Thị C1, đại diện Bảo hiểm Xã hội tỉnh L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về nội dung: Đối với việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Nguyễn Thị T (do chị Huỳnh Thị C1 làm việc) với Công ty TNHH K, từ tháng 10/2011 đến tháng 01/2012. Xét thấy, Hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Nguyễn Thị T (do chị Huỳnh Thị C1 làm việc) với Công ty TNHH K từ tháng 10/2011 đến tháng 01/2012 vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 của Bộ Luật Lao động nên hợp đồng lao động này bị vô hiệu, từ đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của chị Nguyễn Thị T.

[4] Đối với việc yêu cầu điều chỉnh tên Nguyễn Thị T trên sổ BHXH số 8011039773 trong thời gian từ tháng 10/2011 đến tháng 01/2012 tại Công ty TNHH K thành tên Huỳnh Thị C1. Xét thấy, hợp đồng lao động vô hiệu nên yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T về điều chỉnh tên Nguyễn Thị T trên sổ BHXH số 8011039773 trong thời gian từ tháng 10/2011 đến tháng 01/2012 tại Công ty TNHH K thành tên Huỳnh Thị C1 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét quan điểm của kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu 300.000đ án phí đối với yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, Điều 15, Điều 16, Điều 18, Điều 21, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T do anh Nguyễn Trung C đại diện theo ủy quyền về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” đối với Công ty TNHH K.

1.1 Vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Nguyễn Thị T với Công ty TNHH K từ tháng 10/2011 đến tháng 01/2012.

1.2 Điều chỉnh tên chị Nguyễn Thị T trên sổ BHXH số 8011039773 trong thời gian từ tháng 10/2011 đến tháng 01/2012 tại Công ty TNHH K thành tên Huỳnh Thị C1.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu C2 300.000đ án phí lao động sơ thẩm sung vào Công quỹ Nhà nước. Chị T được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005886 ngày 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa để thi hành.

3. Án sơ thẩm xét xử công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Quyên